TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày: 11-02-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Kim Luyến;

Ông Nguyễn Duy Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐ-ST ngày 21 tháng 01 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng N (A).

Địa chỉ: Số B, đường L, phường T, Quận B, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Minh H – Phó Giám đốc Ngân hàng N – chi nhánh huyện N (đại diện theo văn bản ủy quyền số 190/QĐ-NHNoNC ngày 08/10/2024); có đơn xin vắng.

Bị đơn: Bà Phan Thị Thu H1, sinh năm: 1965; Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 9 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng N, người đại diện theo ủy quyền trình bày yêu cầu khởi kiện:

Ngày 06/4/2023, Ngân hàng N và bà Phan Thị Thu H1 có ký hợp đồng tín dụng, Ngân hàng cho bà H1 vay 100.000.000 đồng, lãi suất 10,7%/năm, thời hạn vay 03 năm, mục đích vay để mua bán nhỏ.

Cho vay tín chấp, Ngân hàng có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất số Y462983 do Ủy ban nhân dân (UBND) Thành phố C cấp ngày 30/01/2004. Theo hợp đồng thì đến ngày 05/4/2024 là bà H1 phải thanh toán cho Ngân hàng 50.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất, nhưng bà H1 không thanh toán cho Ngân hàng theo thỏa thuận ký trong hợp đồng.

Ngân hàng yêu cầu bà H1 thanh toán toàn bộ số tiền gốc lãi tạm tính đến ngày 26/9/2024 là 115.893.700 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 100.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 15.893.700 đồng) và lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, đến khi trả hết nợ gốc.

Bị đơn bà Phan Thị Thu H1, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định bị đơn không có văn bản trả lời, Tòa án tống đạt thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng, đề nghị tính lãi đến ngày 11/02/2025 là 19.846.301 đồng.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

- Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc bà H1 thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng 119.846.301 đồng (gốc 100.000.000 đồng, lãi 19.846.301 đồng); buộc Ngân hàng giao trả bản gốc giấy chứng nhận QSD đất đã giữ cho bà H1, án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng A khởi kiện bà Phan Thị Thu H1, về hợp đồng vay tín chấp, mục đích vay để mua bán nhỏ; do vay tín chấp, một mình bà H1 thực hiện ký

hợp đồng nên khoản vay này là cá nhân. Do không có ai liên quan đến hợp đồng vay, Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách liên quan trong vụ án là phù hợp.

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Nguyên đơn khởi kiện ghi đúng nơi cư trú của bị đơn bà Phan Thị Thu H1. Trước khi Tòa án thụ lý vụ án bị đơn đã thay đổi nơi cư trú không báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện do đó Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án niêm yết công khai giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Phan Thị Thu H1.

Về nội dung:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện bà Phan Thị Thu H1 yêu cầu thanh toán tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký. Quan hệ pháp luật là: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Phan Thị Thu H1 thanh toán tiền vay nợ gốc 100.000.000 đồng, nợ lãi suất 19.846.301 đồng (lãi suất tính đến ngày 11/02/2025), tiếp tục trả lãi đến khi trả hết nợ gốc mức lãi suất theo hợp đồng đã ký, thấy rằng:

[2.1] *Xét thẩm quyền ký kết hợp đồng:* Hợp đồng tín dụng số: 7509-LAV-202300893 ngày 06/4/2023 được ký kết giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện N do ông Phạm Hoàng H2 đại diện ký với bà Phan Thị Thu H1. Về mặt thẩm quyền ký kết, Ngân hàng A có văn bản ủy quyền thường xuyên cho các chi nhánh trong việc ký kết hợp đồng tín dụng và một số lĩnh vực khác liên quan đến hoạt động kinh doanh nên ông Phạm Hoàng H2 đại diện Chi nhánh huyện N ký kết hợp đồng tín dụng nêu trên là đúng thẩm quyền.

[2.2] *Xét hợp đồng tín dụng:* Ngày 06/4/2023, bà Phan Thị Thu H1 có ký hợp đồng tín dụng số: 7509-LAV-202300893 với Ngân hàng A – Chi nhánh huyện N để vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay mua bán nhỏ. Khi giao dịch, hai bên hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 93

của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng tín dụng giữa các đương sự là có thật và hợp pháp.

[2.3] *Xét yêu cầu trả nợ gốc:* Quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay là bà H1 không thực hiện đúng cam kết của hợp đồng, không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Theo hợp đồng tín dụng nói trên thì đến ngày 05/4/2024 bà H1 phải thanh toán cho ngân hàng nợ gốc là 50.000.000 đồng và lãi nhưng bà H1 không thanh toán. Do đó, căn cứ vào Điều 7 của Hợp đồng tín dụng nói trên thì bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng về việc kiện đòi bà H1 thanh toán toàn bộ vốn gốc 100.000.000 đồng là có cơ sở được chấp nhận toàn bộ.

[2.4] *Xét yêu cầu về nợ lãi:* Ngân hàng A yêu cầu bà H1 thanh toán lãi theo hợp đồng đã ký, thấy rằng:

Đối với lãi suất thời điểm Ngân hàng A cho vay 10,7%/năm là thấp hơn lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*

Từ khi vay đến nay, bà H1 chưa trả tiền lãi, việc chậm trả lãi của bà H1 là vi phạm thỏa thuận của đôi bên, do đó yêu cầu trả lãi của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ, lãi tính đến ngày 11/02/2025 là 19.846.301 đồng.

Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bà H1 có trách nhiệm thanh toán gốc, lãi cho Ngân hàng là 119.846.301 đồng. Trong đó: Nợ gốc 100.000.000 đồng đồng; nợ lãi 19.846.301 đồng (lãi suất tính đến ngày 11/02/2025).

Kể từ ngày 12/02/2025 bà H1 chậm thanh toán tiền thì tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất Ngân hàng cho vay.

[3] Đối với giấy chứng nhận QSD đất số Y462983 do UBND thành phố C cấp ngày 30/01/2004 tên Phan Văn T và ông T đã để thừa kế cho bà H1 và được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố C ký xác nhận điều chỉnh bổ sung cho bà H1; khi vay Ngân hàng có giữ hộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H1, do hợp đồng vay tín chấp không phải thế chấp nên buộc Ngân hàng giao trả lại bản gốc giấy chứng nhận QSD đất số Y462983 do UBND thành phố C cấp ngày 30/01/2004 tên Phan Văn T cho bà H1 là phù hợp.

[4] Về án phí: Án phí dân sự có giá ngạch 5%, yêu cầu của Ngân hàng được chấp toàn bộ nên bà H1 phải chịu án phí là 119.846.301 đồng x 5% = 5.992.315 đồng (lấy tròn).

Ngân hàng A không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

Ý kiến của Kiểm sát viên là có cơ sở được chấp nhận toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N, khởi kiện đối với bà Phan Thị Thu H1 về việc thanh toán tiền vay gốc và lãi.

Buộc bà Phan Thị Thu H1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N 119.846.301 đồng *(một trăm mười chín triệu tám trăm bốn mươi sáu ngàn ba trăm lẽ một đồng)*. Trong đó: Nợ gốc 100.000.000 đồng đồng; nợ lãi 19.846.301 đồng (lãi suất tính đến ngày 11/02/2025).

Kể từ ngày 12/02/2025 bà H1 chưa thanh toán hết nợ, bà còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất Ngân hàng cho vay.

Buộc Ngân hàng N giao trả giấy chứng nhận QSD đất bản gốc số Y462983 do UBND thành phố C cấp ngày 30 tháng 01 năm 2004 mang tên Phan Văn T cho bà Phan Thị Thu H1.

- Về án phí:

+ Bà Phan Thị Thu H1 phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch đối với yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận, số tiền án phí là 5.992.315 đồng.

+ Ngân hàng N không phải chịu án phí, có nộp tạm ứng án phí 2.897.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014206 ngày 30/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại toàn bộ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính